



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Địa chỉ: 27 Điện Biên Phủ, Phường 09, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 074 3 740 234

Fax: 074 3 740 239

Website: www.tvpharm.com.vn

Email: info@tvpharm.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2013

Trà Vinh, Tháng 4 Năm 2014

MỤC LỤC

Phần 1: GIỚI THIỆU CÔNG TY	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề kinh doanh:	3
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
4. Các phần thưởng cao quý:	4
5. Qui mô và vị thế của TV.PHARM.....	5
Phần 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ.....	7
1. Mô hình quản trị:	7
2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức:.....	7
3. Ban quản trị Công ty:	10
4. Nhân sự và chính sách người lao động:	13
Phần 3: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013	16
1. Bối cảnh sản xuất kinh doanh năm 2013:.....	16
2. Báo cáo của Tổng giám đốc về hoạt động, sản xuất, kinh doanh năm 2013:	17
3. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị:.....	25
Phần 4: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	29
1. Định hướng phát triển TV.PHARM:.....	29
2. Kế hoạch SXKD 2014:	29
3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng:	32
Phần 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY:.....	33
1. Hội đồng quản trị.....	33
2. Ban kiểm soát Công ty	42
Phần 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2013:	46
1. Ý kiến kiểm toán.....	46
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	47

Phần 1: GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM**
- Tên tiếng Anh: TV.PHARM PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: TV.PHARM
- Logo:



- Mã chứng khoán: TVP
- Trụ sở chính: 27, Điện Biên Phủ, Khóm 2, Phường 9, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.
- Số điện thoại: 074 3 740 234 – 0743 855372
- Số fax: 074 3 740 239
- Website: tvpharm.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2100274872 do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 09/5/2003, cấp thay đổi bổ sung lần 9 ngày 14/10/2013.
- Vốn điều lệ: 100.800.000.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2013: 176,34 tỷ đồng

2. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và thực phẩm chức năng: Thuốc và nguyên liệu, tá dược dùng cho thú y; Nguyên liệu, hương liệu, tá dược, bao bì dùng làm thuốc cho người và trang thiết bị dùng trong ngành y dược; mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hóa -sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài); Thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước uống không chứa cồn.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu năm 2013:

Trong năm 2013, Công ty chủ yếu hoạt động sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược do công ty sản xuất. Ngoài ra, công ty có kinh doanh thêm hàng tân dược nhập khẩu và hàng của một số công ty dược trong nước.

3. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân là một Doanh nghiệp nhà nước được thành lập từ ngày 20 tháng 05 **năm 1992**.

Năm 1994, thành lập Xí nghiệp sản xuất thuốc, sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu khám trị bệnh cho nhân dân trong tỉnh.

Năm 1997, đầu tư xây dựng mới Nhà máy sản xuất dược phẩm Non β -Lactam với dây chuyền công nghệ máy móc thiết bị hiện đại, trong đó có dây chuyền công nghệ mới về sản xuất thuốc dạng nang mềm đầu tiên trong cả nước và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.

Tháng 12/1999, Công ty được Cục quản lý dược - Bộ Y Tế cấp Giấy chứng nhận nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc khối ASEAN” (GMP- ASEAN); Kho đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt bảo quản thuốc”(GSP); Phòng Kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc” (GLP).

Năm 2002, Công ty đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2000

Năm 2003, thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần dược phẩm Trà Vinh

Năm 2006, đổi tên thành Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM.

Năm 2007, Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh β -Lactam đi vào hoạt động với trang thiết bị hiện đại, trong đó có *dây chuyền thuốc tiêm bột* là dây chuyền công nghệ hoàn toàn nhập khẩu từ Mỹ, có công suất 10 triệu lọ /năm.

Năm 2008, nâng cấp Nhà máy Non β -Lactam từ tiêu chuẩn GMP-ASEAN lên tiêu chuẩn GMP-WHO. Chú trọng đầu tư mở rộng mạng lưới phân phối khắp toàn quốc.

Tháng 11 năm 2008, Công ty được Cục quản lý dược- Bộ Y tế chứng nhận hai Nhà máy sản xuất Non β -Lactam và β -Lactam đều đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

Tháng 12 năm 2009, Hệ thống quản lý chất lượng được đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2008.

Năm 2010, ký kết hợp đồng xuất khẩu đầu tiên sang Nigeria.

Năm 2013, xây dựng Nhà máy thực phẩm chức năng.

4. Các phần thưởng cao quý:

Công ty vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý sau:

- Danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”
- Huân chương Lao Động hạng 1
- Huân chương Lao Động hạng 2
- Huân chương Lao Động hạng 3

5. Qui mô và vị thế của TV.PHARM

5.1 Qui mô sản xuất kinh doanh

Diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh và Năng lực sản xuất:

Tổng diện tích đất phục vụ sản xuất kinh doanh của toàn công ty là 30.000 m² , trong đó gồm những hạng mục chính như sau:

- Văn phòng công ty diện tích 500 m²
- Nhà máy Non-β-Lactam (tiêu chuẩn GMP-WHO), diện tích 1.400m², công suất 800 triệu viên/năm.
- Nhà máy β-Lactam (tiêu chuẩn GMP-WHO): diện tích 1.400m², công suất 420 triệu viên/năm, 06 triệu gói/năm. Đặc biệt, Nhà máy β-Lactam có dây chuyền sản xuất thuốc tiêm công suất 10 triệu lọ/năm.
- Nhà máy thực phẩm chức năng (đang chuẩn bị đưa vào hoạt động): diện tích 360m², công suất 240 triệu viên /năm.
- Phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP, diện tích 300 m²
- Nhà kho đạt tiêu chuẩn GSP, tổng diện tích 2.500 m²
- Văn phòng các Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Trà Vinh và các hiệu thuốc trong địa bàn tỉnh Trà Vinh, tổng diện tích 3.200 m²

Các nhóm sản phẩm do Công ty sản xuất:

Hiện nay sản phẩm của TV.PHARM rất đa dạng bào chế, thuộc các nhóm hàng sau:

- Nhóm kháng sinh
- Nhóm hô hấp
- Nhóm kháng viêm
- Nhóm kháng histamin
- Nhóm giảm đau, hạ sốt
- Nhóm tim mạch, huyết áp
- Nhóm đường huyết
- Nhóm tiêu hóa, đường ruột
- Nhóm thần kinh, tuần hoàn não
- Nhóm vitamin bổ dưỡng
- Nhóm dùng ngoài da, ...

Các sản phẩm có thương hiệu được khách hàng tin nhiệm:

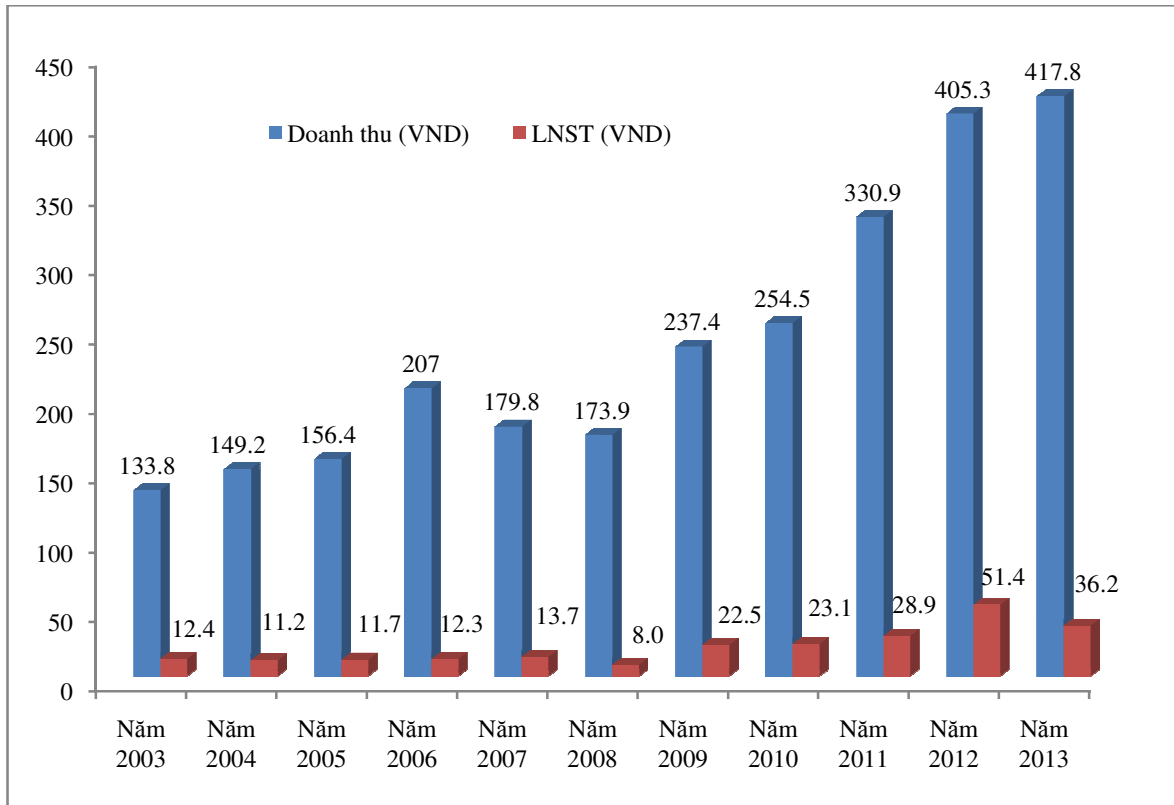
- Dòng sản phẩm β-lactam: TRAFORAN, TV-ZIDIM, ORENKO, TRAVINAT,...
- Dòng sản phẩm Non β-lactam: PHARITON, HOMPOLIMIN GINSENG, PANCIDOL EXTRA, TV-OMEPRAZOLE, PRAZOPRO 40mg, PRAZOPRO 20mg, TERPIN CODEIN, DIANGESIC CODEIN, NEO-CORCLION F, TV.PAPEN F, ...

Số chi nhánh trực thuộc:

Công ty có 09 chi nhánh trực thuộc trải đều khắp cả nước gồm các Chi nhánh: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Khánh Hòa, Đồng Nai, Đắk Lắk, An Giang và Trà Vinh.

Tổng doanh thu và lợi nhuận:

Biểu đồ doanh thu, lợi nhuận Công ty từ khi cổ phần hóa:



Sau mười một năm cổ phần hóa, doanh thu Công ty tăng trưởng 312%, lợi nhuận tăng trưởng 292%.

5.2 Vị thế:

Từ khi thành lập năm 1992, đến nay thương hiệu Dược TV.PHARM đã từng bước khẳng định được vị thế của mình:

- Hiện nay TV.PHARM đứng thứ 4 so với các công ty dược ở khu vực ĐBSCL và đứng trong TOP 30 của các công ty dược trong nước.
- Những sản phẩm thế mạnh của TV.PHARM cũng là lợi thế cạnh tranh so với các công ty bạn, hiện nay TV.PHARM có dây chuyền sản xuất Viên nang mềm và dây chuyền sản xuất kháng sinh tiêm Cephalosporin hiện đại, chưa khai thác hết công suất.

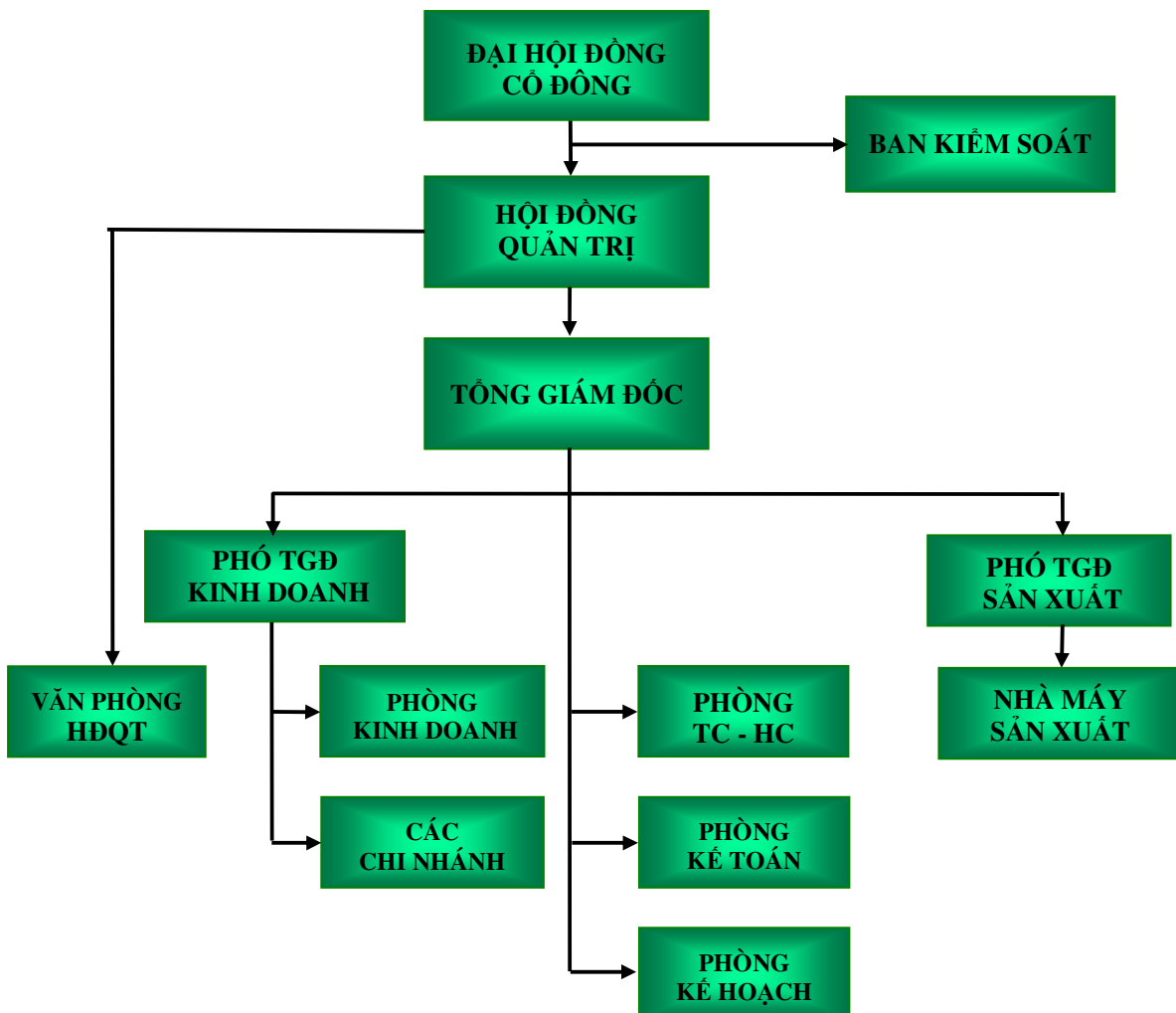
Phần 2: CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

1. Mô hình quản trị:

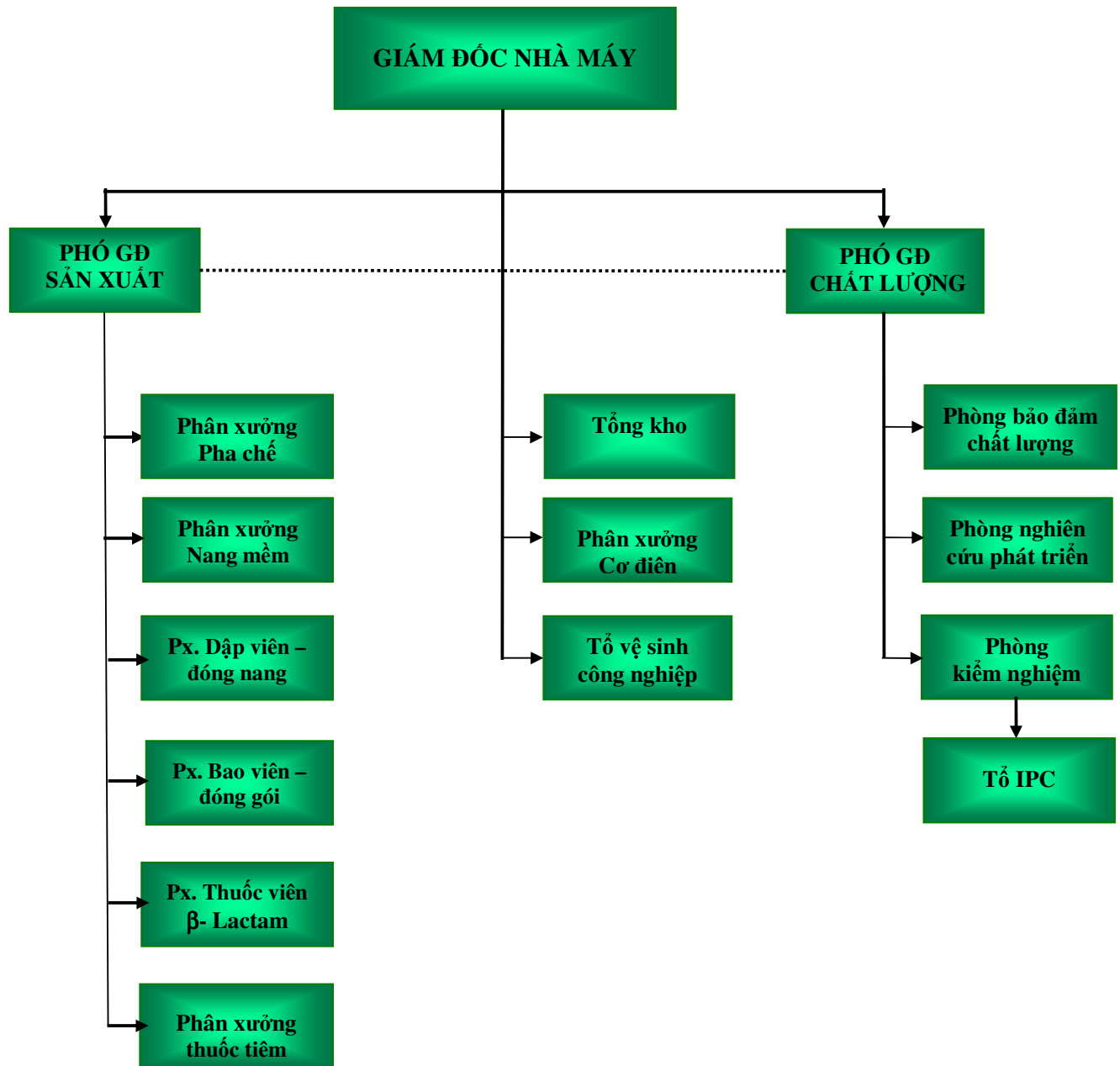
- TV.PHARM là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- Về chứng khoán, hiện TV.PHARM là công ty đại chúng, chưa niêm yết trên sàn.

2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức toàn Công ty:



Chi tiết sơ đồ cơ cấu tổ chức Nhà máy sản xuất:



Chi tiết Hệ thống Chi nhánh bán hàng:

So với năm 1992, công ty chỉ có 07 hiệu thuốc trung tâm huyện thị thuộc tỉnh thì đến cuối năm 2013 hệ thống bán hàng của Công ty đã rộng khắp toàn quốc, bao gồm 09 Chi nhánh kinh doanh phân bố theo cụm, trải đều khắp cả nước:

1	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI HÀ NỘI
	<i>Địa chỉ:</i> Số 22, Lô 11B, Trung Yên 10, Khu đô thị Trung Yên, P Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
	<i>Điện thoại:</i> 043.7833.516
2	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐÀ NẴNG
	<i>Địa chỉ:</i> Số 423, Trưng Nữ Vương, Hải Châu, Đà Nẵng
	<i>Điện thoại:</i> 0511.3633.951
3	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐẮKLẮK
	<i>Địa chỉ:</i> A8, Khu Hiệp Phúc, Phường Tân Lợi, Buôn Mê Thuật, Đắk Lắk
	<i>Điện thoại:</i> 0500.3877.784
4	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI KHÁNH HOÀ
	<i>Địa chỉ:</i> Lô 60, Đường B1, Khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, Nha Trang, Khánh Hoà
	<i>Điện thoại:</i> 0583.896.579
5	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI ĐỒNG NAI
	<i>Địa chỉ:</i> Số 29, Hồ Văn Đại, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
	<i>Điện thoại:</i> 061.3943.504
6	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI HỒ CHÍ MINH
	<i>Địa chỉ:</i> Q1A, Bạch Mã, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
	<i>Điện thoại:</i> 0839.702.315
7	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI AN GIANG
	<i>Địa chỉ:</i> Số 11B, Bùi Thị Xuân, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, An Giang
	<i>Điện thoại:</i> 076.6253.137
8	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI CẦN THƠ
	<i>Địa chỉ:</i> Số 17 B2, Khu dân cư 91B, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
	<i>Điện thoại:</i> 0710. 3781.345
9	CHI NHÁNH CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM TRÀ VINH

<u>Địa chỉ:</u> Số 1/8, Trần Phú, Phường 7, TP. Trà Vinh, Trà Vinh
<u>Điện thoại:</u> 0743.753.072

3. Ban quản trị Công ty:

Ông BÙI VĂN TÔNG

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1956

Số chứng minh nhân dân: 334000958

Địa chỉ thường trú : 70 - Đồng Khởi, Phường 6, Tp.Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Trình độ: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

08/1973 - 04/1975 Nhân viên Phòng dược chính – Ban dân y tỉnh Trà Vinh

05/1975 - 06/1982 Nhân viên Xí nghiệp liên hiệp dược Cửu Long

07/1982 - 09/1993 Giám đốc Trung tâm y tế Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh

10/1993 - 09/2003 Phó giám đốc Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2003 - 08/2011 Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

8/2011 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Ông LÊ VIỆT THÀNH

Phó Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1970

Số chứng minh nhân dân: 023620039

Địa chỉ thường trú : Số 1, Đường 49, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1992 - 1993 Nhân viên Công ty giao nhận và xếp dỡ kho bãi Nhà Bè.

1993 - 1994 Kế toán viên Xí nghiệp in hải quan, Tổng Cục hải quan

1995 - 2005 Trưởng phòng bảo hiểm tài sản, bồi thường Công ty bảo hiểm TP HCM

2005 - 2007 Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm AAA

2007 – 2012 Phó giám đốc Chi nhánh Khu vực phía Nam Tổng công ty ĐT và KDVNN (SCIC)

2012 – nay CT HĐQT Công ty khoáng sản VINACONEX, Phó giám đốc Chi nhánh Khu vực phía Nam Tổng công ty ĐT và KDVNN (SCIC)

6/2011 – nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CPDP TV.PHARM

Ông NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN

Thành viên HĐQT

Tổng giám đốc

Sinh năm: 1960

Số chứng minh nhân dân: 025203490

Địa chỉ thường trú : 28 Đường 81, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

01/1984 - 06/1992 Giáo viên Trường trung học y tế Cửu Long

07/1992 - 09/2001 Trưởng phòng kế hoạch nghiệp vụ Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2001- 05/2003 Phó Giám đốc Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

05/2003 -11/2011 Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

11/2011 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP dược phẩm TV.PHARM

Ông HÀ VĂN ĐÔNG

Thành viên HĐQT

Phó TGD sản xuất

Năm sinh: 1966

Số chứng minh nhân dân: 334454430

Địa chỉ thường trú : Phường 8, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Trình độ: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

03/1990 -> 05/1993 Nhân viên Công ty dược vật tư y tế Cửu Long

06/1993 -> 09/2003 Giám đốc nhà máy sản xuất Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2003 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

Ông LÊ XUÂN TRƯỜNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977

Số chứng minh nhân dân: 025278972

Địa chỉ thường trú : 145, Đường 79, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM

Trình độ: Dược sĩ đại học, Thạc sĩ dược học

Quá trình công tác:

2003 - 2010 Giáo viên Dược Trung học – ĐH Y dược TPHCM

2011 - nay Giảng viên ĐH Y dược TPHCM

05/2012 - nay Thành viên HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Ông LÊ HỮU PHƯỚC

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1966

Địa chỉ thường trú : Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

Số chứng minh nhân dân: 334290222

Trình độ: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

1985 – 1990 Cán bộ Phòng Tài chính huyện Càng Long tỉnh Cửu Long

1991 – 1992 Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Cửu Long

1993 – 1994 Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
1995 - 1998 Trưởng phòng nghiệp vụ Cục Quản lý vốn và tài sản NN tại DN tỉnh Trà Vinh
1999 - 2010 Phó phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh
2011 - nay Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Trà Vinh
2004 - nay: Trưởng BKS Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Ông LƯU HOÀI NAM

Thành viên BKS

Năm sinh: 1984

Số chứng minh nhân dân: 025552764

Địa chỉ thường trú : 427/15 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TPHCM

Trình độ: Đại học ngoại thương Hà Nội

Quá trình công tác:

10/2007 - 8/2008 Chuyên viên phân tích Công ty cổ phần chứng khoán Phú Hưng

09/2008 – nay Chuyên viên đầu tư Chi nhánh phía nam SCIC

05/2012 đến nay Thành viên BKS Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

Bà NGUYỄN THỊ HỒNG CẨM

Thành viên BKS

Số chứng minh nhân dân: 334098946

Địa chỉ thường trú: Phú Cần, Tiểu Cần, Trà Vinh

Trình độ: Đại học kinh tế

Quá trình công tác:

12/1999 – 02/2006 Nhân viên Phòng kế toán Công ty cổ phần dược phẩm Trà Vinh

3/2006 – nay Phó phòng kế toán Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM

2008 – nay Thành viên BKS, Phó phòng kế toán Công ty CPDP TV.PHARM

Ông NGUYỄN THÀNH SĨ

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1967

Số chứng minh nhân dân: 334141359

Địa chỉ thường trú : Đầu Bờ, Hòa Thuận, Châu Thành, Trà Vinh.

Trình độ: Dược sĩ đại học, Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

12/1991 - 03/1992 Nhân viên Xí nghiệp dịch truyền Cửu Long

05/1992 - 09/2003 Phó phòng Kế hoạch Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh

10/2003 - 09/2005 Phó phòng Kế hoạch Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

10/2005 - 10/2011 Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

11/2011 - 7/2012 Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

8/2012 - nay Phó Tổng giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

Ông HOÀNG VĂN GIỚI

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1956

Số chứng minh nhân dân: 331797248

Địa chỉ thường trú: 162/6 Phường 5, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Trình độ: Đại học tài chính kế toán

Quá trình công tác:

1977-> 1979	Chủ nhiệm Khóa 30 Trường xây dựng số 8 – Bộ xây dựng
1980 -> 1985	Kế toán trưởng Xí nghiệp liên hợp dược Cửu Long
1986 -> 1988	Học tại trường Đại học tài chính kế toán Thành Phố Hồ Chí Minh
1989 -> 1990	Phụ trách kiêu hồi xuất nhập khẩu Xí nghiệp liên hợp dược Cửu Long
1991	Phụ trách nông trường dược liệu Xí nghiệp liên hợp dược Cửu Long
01/1992 -> 09/2003	Kế toán trưởng Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh
10/2003 - 7/2011	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP DP TV. PHARM
7/2011 – nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM

4. Nhân sự và chính sách người lao động:

4.1 Cơ cấu nhân sự các năm từ 2010-2013:

Phân loại	31/12/2009		31/12/2010		31/12/2011		31/12/2012		31/12/2013	
	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
Theo giới tính:										
Nam	261	51.89%	259	51.29%	254	50.50%	271	50.19%	286	50.20%
Nữ	242	48.11%	246	47.71%	249	49.50%	269	49.81%	284	49.80%
Theo trình độ										
Trên đại học	3	0.60%	3	0.59%	3	0.59%	4	0.74%	3	0.53%
Đại học	75	14.91%	83	16.40%	79	15.77%	90	16.66%	111	19.47%
Trung học	259	63.42%	248	49.10%	263	52.23%	285	52.60%	299	52.45%
Dược tá, PTTH	106	21.07%	171	33.91%	158	31.41%	162	30.00%	149	26.14%
Theo khối chức năng										
Khối văn phòng	50	9.94%	51	10.10%	54	10.74%	76	14.07%	75	13.16%
Khối sản xuất	216	42.94%	220	43.56%	225	47.73%	249	46.11%	264	46.32%
Khối kinh doanh	237	47.12%	234	46.34%	224	41.53%	215	39.82%	231	37.52%
Tổng cộng	503	100%	505	100%	503	100%	540	100%	570	100%

4.2 Chính sách cho người lao động:

Lương cơ bản:

Là mức lương ghi trong trong hợp đồng lao động, được tính dựa trên hệ số lương theo thang bảng lương của Công ty Nhà nước nhân với mức cơ sở do Nhà nước quy định. Làm cơ sở để Công ty tính các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, tính lương ngừng việc, nghỉ chế độ có hưởng lương, chế độ nghỉ phép.. có liên quan đến người lao động. Người lao động được nâng lương cơ bản theo đúng quy định về nâng bậc lương hàng năm của pháp luật lao động.

Tiền lương thực nhận:

Công ty hình thành quỹ lương theo doanh thu. Người lao động làm việc tại công ty được chia làm ba khối: văn phòng, sản xuất, kinh doanh. Mỗi khối, Công ty sẽ áp dụng hình thức trả lương phù hợp với tính chất công việc, trình độ chuyên môn và mức độ hoàn thành công việc phù hợp với pháp luật lao động và quy định của Công ty:

- Khối Văn phòng: Áp dụng hình thức trả lương công việc gắn với thời gian.
- Khối sản xuất: Áp dụng hình thức giao khoán Quỹ lương sản phẩm cho Nhà máy theo đơn giá tiền lương từng đơn vị sản phẩm.
- Khối kinh doanh: áp dụng hình thức khoán quỹ lương theo doanh thu.

Tùy theo hiệu quả và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, người lao động được chi lương bổ sung vào các dịp lễ 30/4, 02/9 và/hoặc tháng lương 13.

Thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty áp dụng chính sách khen, thưởng:

- Thưởng vượt doanh số khoán đối với nhân viên bán hàng (theo từng quý).
- Khen, thưởng danh hiệu cuối năm: đối với cá nhân và tập thể toàn công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tốt nội quy, quy chế công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới; có sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh,...
- Đề xuất khen cao cho cá nhân và tập thể theo hướng dẫn của Hội đồng thi đua khen thưởng Tỉnh, Trung ương.
- Khen đột xuất cho cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật, điển hình.

Các chính sách, chế độ:

Công ty luôn thực hiện đúng quy định pháp luật lao động: ký hợp đồng lao động, tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn lao động; khám sức khỏe định kỳ; bồi dưỡng độc hại; phụ cấp tiền ăn giữa ca theo định mức tối đa của Nhà nước; trang bị đồng phục, đồ bảo hộ lao động...

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng quan tâm chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động: cải tạo cảnh quan môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp; tổ chức tham quan du lịch hàng năm, đào tạo kết hợp du lịch; duy trì các hoạt động văn hóa vào các dịp Ngày quốc tế phụ nữ, Tết thiếu nhi, các phong trào thể dục thể thao giao lưu giữa các đơn vị... đã tạo không khí vui tươi phấn khởi cho nhân viên để làm việc tốt hơn;

Đặc biệt, khi đến tuổi nghỉ hưu ngoài các khoản do BHXH chi trả, người lao động còn được Công ty tặng quà (tiền mặt): Có thời gian công tác tại Công ty từ trên 10 năm đến 15 năm: 3.000.000đ; từ trên 15 năm đến hơn 20 năm: 5.000.000đ

Ngoài ra, Công ty cũng hỗ trợ cho các nhân viên được phân công công tác tại các chi nhánh của Công ty: nhân viên có hộ khẩu tại các tỉnh miền Tây công tác tại các chi nhánh của Công ty từ Bình Thuận trở ra miền Bắc sẽ được hỗ trợ thanh toán chi phí tiền xe hoặc tiền tàu hỏa 02 lần/năm (01 lần nghỉ phép năm và 01 lần nghỉ Tết Nguyên đán); nhân viên công tác tại Văn phòng, nhà máy sản xuất và chi nhánh Công ty phía Nam sẽ được hỗ trợ thanh toán chi phí tiền xe hoặc tiền tàu hỏa 01 năm/lần khi về thăm cha mẹ vợ/chồng, vợ/chồng và con ruột ở các tỉnh miền Trung, miền Bắc.

Phần 3: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

1. Bối cảnh sản xuất kinh doanh năm 2013:

Khó khăn chung công ty dược

Trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn chung của năm 2013, doanh nghiệp kinh doanh ngành dược cũng gặp rất nhiều khó khăn:

- Các chi phí sản xuất: giá xăng dầu, giá điện, nước, mức lương cơ bản... tăng lên làm cho chi phí đầu vào tăng cao dẫn đến giá thành sản phẩm tăng. Trong khi, Nhà nước quản lý về giá thuốc bán ra. Điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất.
- Hoạt động ngành dược trong nước với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, theo thống kê của Bộ Y tế, cả nước có khoảng 185 Doanh nghiệp tham gia ngành dược, trong đó khoảng 100 Doanh nghiệp sản xuất tân dược, 80 Doanh nghiệp sản xuất đông dược và 5 Doanh nghiệp sản xuất vacxin, sinh phẩm y tế. Cộng với chính sách mở cửa cho các Công ty dược nước ngoài theo lộ trình Việt Nam gia nhập WTO làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn.
- Bộ y tế thay đổi về cơ chế đấu thầu thuốc vào hệ điều trị “cùng một loại thuốc theo tên generic, mặt hàng có giá thấp nhất sẽ trúng thầu”. Điều này đã tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp dược có tỷ trọng bán vào Hệ điều trị cao.
- Do sự quá tải của Cơ quan xét duyệt và cấp số đăng ký sản phẩm nên việc xin số đăng ký mới, cấp lại số đăng ký rất chậm, làm ảnh hưởng lớn đến công tác kinh doanh.

Khó khăn nội tại dược TV.PHARM

Công ty TV.PHARM là doanh nghiệp vừa sản xuất, vừa kinh doanh dược, cơ cấu mặt hàng đa dạng (dược cấp phép hơn 300 số đăng ký thành phẩm tân dược và hơn 250 sản phẩm dược sản xuất và phân phối trên thị trường). Đồng thời, trong cơ cấu thị trường, năm 2012 Hệ điều trị (Kênh ETC) chiếm khoảng 42%, Hệ thương mại (Kênh OTC) chiếm khoảng 58% → thì những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013:

- Do có sự cạnh tranh khốc liệt về giá thuốc khi đấu thầu và hệ điều trị, một số mặt hàng của công ty khi trúng thầu với giá thấp hơn rất nhiều so với giá trúng thầu năm 2012 hoặc không được trúng thầu nên lợi nhuận năm 2013 giảm.
- Một số sản phẩm có lợi nhuận cao của Công ty đã hết số đăng ký sản xuất nhưng chưa được cấp lại số đăng ký mới nên cũng giảm doanh số và lợi nhuận.
- Nhà máy thực phẩm chức năng, dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động quý 3/2013. Tuy nhiên đến nay, Nhà máy thực phẩm chức năng mới hoàn tất việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt thiết bị và trong giai đoạn tiến hành xin Giấy phép sản xuất cho từng sản phẩm nên chưa đưa vào hoạt động chính thức.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc về hoạt động, sản xuất, kinh doanh năm 2013:

2.1 Về sản xuất và hệ thống quản lý chất lượng năm 2013

Hệ thống quản lý chất lượng:

Việc triển khai sản xuất theo các nguyên tắc GMP-WHO, GLP, GSP, GDP và ISO 9001:2008 được duy trì và ngày hoàn thiện hơn. Năm 2013, Công ty đã đầu tư mở rộng và trang bị thêm nhiều thiết bị kiểm tra chất lượng cho Phòng kiểm nghiệm; Nhà máy sản xuất được Cục quản lý dược - Bộ Y Tế tái cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc theo khuyến cáo của Tổ chức y tế thế giới” (GMP-WHO); Chất lượng hàng sản xuất được đảm bảo ổn định, khẳng định hàng do TV.PHARM sản xuất có thể cạnh tranh với các công ty bạn về chất lượng và mẫu mã, đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của thị trường; Công ty không có sản phẩm bị vi phạm chất lượng khi lưu hành trên thị trường.

Tình hình đăng ký thuốc:

Đến cuối năm 2013, công ty đã được Cục quản lý dược – Bộ Y Tế cấp 338 số đăng ký lưu hành thuốc thành phẩm tân dược (trong đó năm 2013 được cấp 58 số đăng ký mới) và 04 số đăng ký sản phẩm thực phẩm chức năng, các sản phẩm thực phẩm chức năng đưa vào sản xuất thử trong quý II/2014.

Sản lượng sản xuất năm 2013 đạt được như sau:

TT	Tên quy cách sản phẩm	Đvt	Năm 2012	Năm 2013	So sánh (%) 2013/2012
1	Nhà máy Non Beta lactam				
-	Thuốc viên các loại	Viên	673.354.000	771.711.028	114,61%
-	Kem ngòai da	Chai	222.600	49.270	22,13%
-	Thuốc gói	Gói	333.500	1.050.340	314,94%
2	Nhà máy Beta lactam				
-	Thuốc viên các loại	Viên	63.692.600	71.622.360	112,45%
	Thuốc tiêm	Lo	1.034.300	1.280.529	123,81%
	Thuốc gói	Gói	3.127.300	4.013.282	128,33%

2.2 Kết quả kinh doanh và phát triển thị trường năm 2013

Kết quả kinh doanh

T	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2012	KH 2013	TH 2013	TH 2013 so với KH 2013	TH 2013 So với TH 2012
1	Doanh thu	Tỷ đồng	405,349	410,000	417,799	102,00%	103,07%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	64,884	50,850	51,007	102,70%	80,50%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	51,437	40,000	36,179	101,32%	78,79%

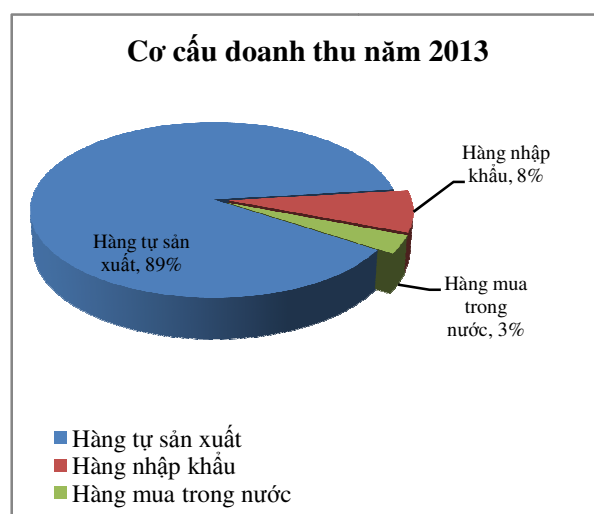
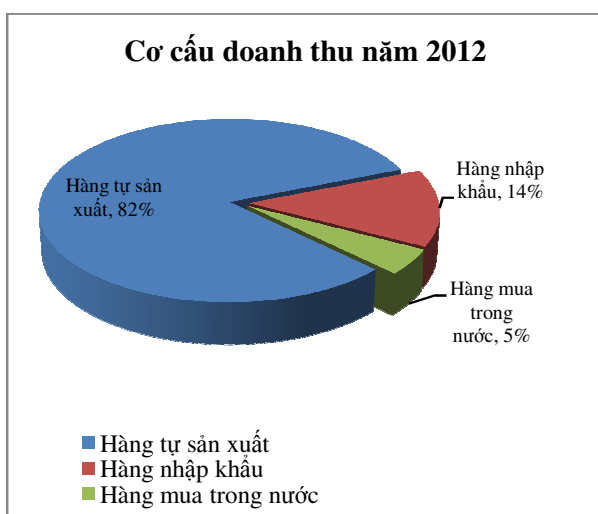
Phân tích doanh thu:

Cơ cấu doanh thu 02 năm gần nhất:

T	Doanh thu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Tăng, giảm 2013/2012	%
1	Hàng sản xuất	đồng	331,419	371,620	40,202	12,1%
2	Hàng nhập khẩu	đồng	55,282	32,030	-23,252	-42,1%
3	Hàng mua trong nước	đồng	18,648	14,148	-4,500	-24,1%
4	Tổng cộng	đồng	405,349	417,799	12,450	3,1%

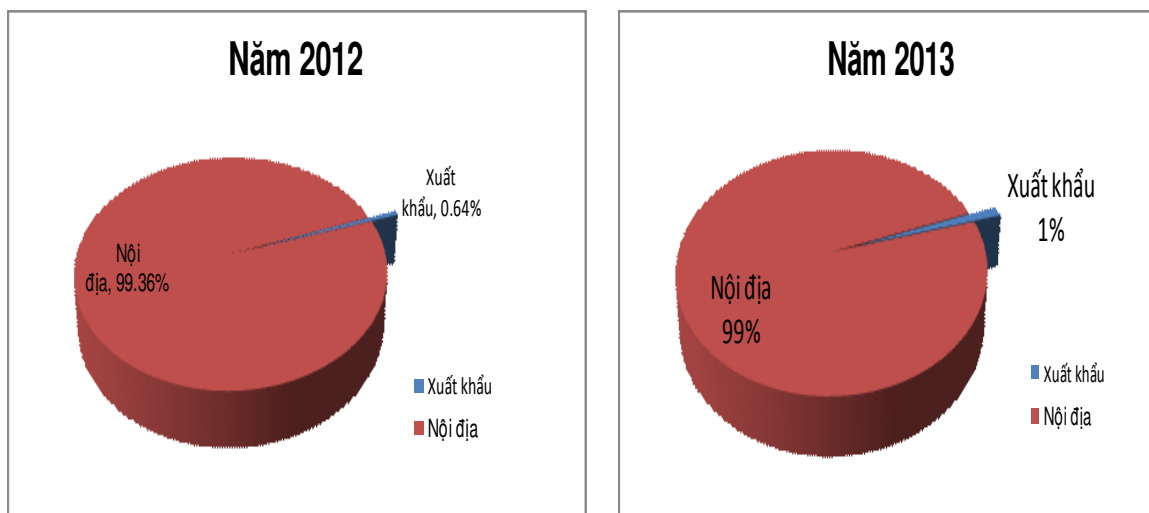
Trong năm 2013, Công ty tập trung đẩy mạnh doanh số bán các mặt hàng do công ty sản xuất (tăng 12,1%) so với năm 2012 → hướng đến sự tăng trưởng bền vững; giảm doanh số hàng nhập khẩu 23,252 tỷ đồng (giảm 42,1%) so với năm 2012 và doanh số bán hàng hóa mua trong nước 4,499 tỷ đồng (giảm 24,1%) so với năm 2012.

Biểu đồ cơ cấu doanh thu 02 năm gần nhất:



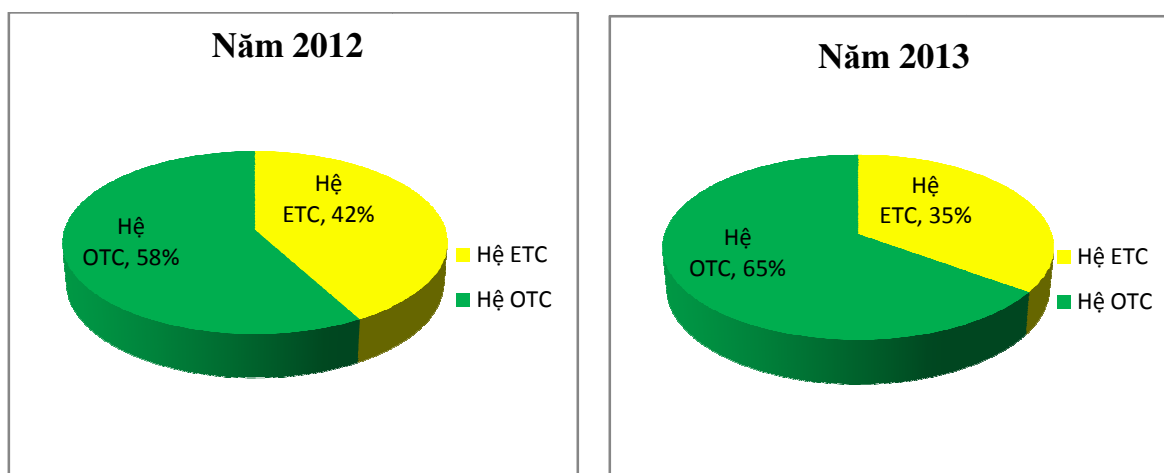
Phân tích địa bàn:

Cơ cấu thị trường:



Công ty chủ yếu là kinh doanh thị trường trong nước. Công ty đang mở rộng thị trường xuất khẩu sang Campuchia, Nigeria, Afganistan và Myanmar. Tuy kết quả xuất khẩu chưa cao nhưng bước đầu đã tạo được tiền đề cho hoạt động xuất khẩu các năm kế tiếp.

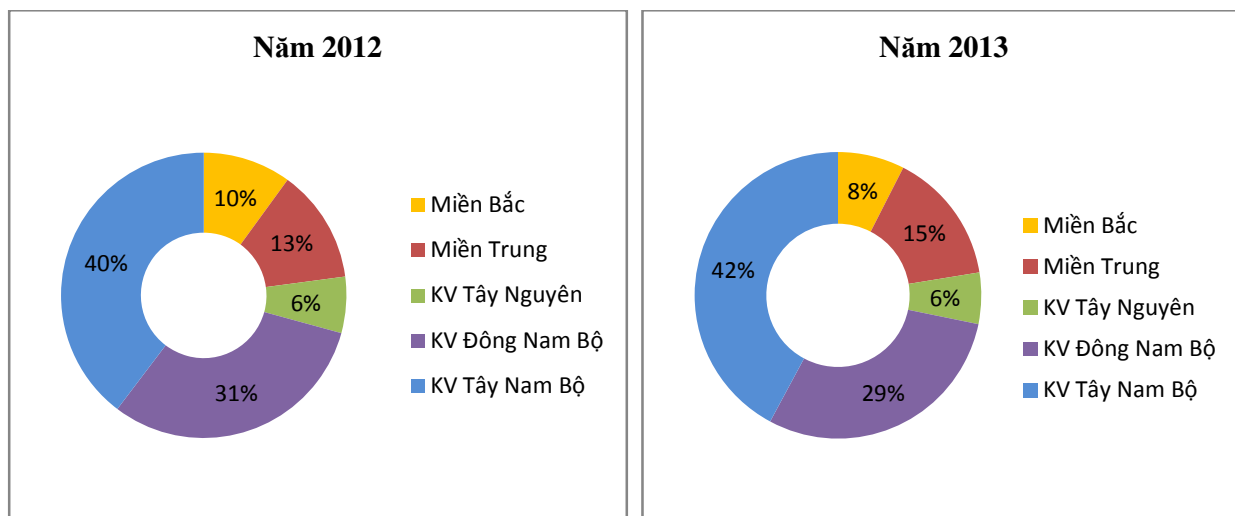
Cơ cấu thị trường nội địa theo kênh bán hàng:



Do áp dụng Thông tư 01 của Bộ y tế về đấu thầu thuốc nên tình hình đấu thầu thuốc vào hệ điều trị (ETC) năm 2013 của Công ty gặp nhiều khó khăn, một số chi nhánh trúng thầu rất ít như TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đồng Nai, Hà Nội.

Trong năm 2013, kênh OTC phát triển khá tốt ở các tỉnh miền Trung như Nghệ An, Hà Tĩnh; Thị trường OTC Hà Nội có chuyển biến phát triển tốt.

Cơ cấu thị trường bán hàng sản xuất theo khu vực địa lý:



Chính sách bán hàng:

Năm 2013, công tác Marketing, chăm sóc khách hàng được đặc biệt quan tâm nhằm đẩy mạnh doanh số kênh OTC, Công ty đã tổ chức những chương trình khuyến mãi hiệu quả, tạo được tiếng vang, nâng cao được uy tín, thương hiệu TV.PHARM đối với khách hàng:

- Chương trình ký hợp đồng doanh doanh số vàng, bạc, đồng.
- Chương trình khuyến mãi, quay số trúng thưởng áp dụng trên toàn quốc với chủ đề “TV.PHARM TRI ÂN KHÁCH HÀNG - MUÔN VẠN ĐIỀU MAY”, tổ chức theo từng khu vực Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ. Mỗi khu vực có từ 800 đến 1.000 khách hàng tham gia.
- Chương trình mời khách hàng hệ điều trị (ETC) của các chi nhánh: TP HCM, Đồng Nai, Đắklăk về tham quan thực tế nhà máy sản xuất;
- Hội nghị khách hàng Chi nhánh Cần Thơ, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Đắklăk, An Giang và Đồng Nai.

Chính sách cho nhân viên trực tiếp bán hàng:

- Áp dụng chính sách khen thưởng kịp thời cho nhân viên bán hàng đạt vượt doanh số hàng quý, sáu tháng và vượt doanh số năm.
- Các chương trình đào tạo hoặc đào tạo kết hợp du lịch cho cán bộ quản lý và nhân viên bán hàng được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm giúp nhân viên được cập nhật và nâng cao kiến thức, trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp góp phần mang lại hiệu quả tốt cho hoạt động kinh doanh,

2.3 Tình hình tổ chức và nhân sự trong năm 2013

Nhân sự Ban điều hành:

STT	Nhân sự	Chức vụ	Số CPSH đến 11/11/2013	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Tổng giám đốc	612.029	6,072%
2	Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh	5.473	0,05%
3	Ông Hà Văn Đông	Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất	30.294	0,3%
4	Ông Hoàng Văn Giới	Kế toán trưởng	38.400	0,381%

Lý lịch nhân sự trình bày tại Ban quản trị Công ty (Phần 2 - Cơ cấu tổ chức nhân sự)

Thay đổi nhân sự Ban điều hành:

Trong năm, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

Số lượng lao động:

Số lượng lao động tại Công ty đến 31/12/2013 là 570 lao động.

Những cải tiến về tổ chức, nhân sự:

Thuê tư vấn tái sắp xếp cơ cấu, tổ chức, nhân sự:

Thời gian thực hiện dự án là 18 -36 tháng, nhằm:

- Xây dựng mô hình công ty và cơ cấu tổ chức tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp.
- Xây dựng nguyên tắc và cơ chế quản lý phù hợp với mô hình mới.
- Tạo tiền đề phát triển một hệ thống quản lý chất lượng theo kết quả công việc nhằm mang lại sự cải tiến liên tục, giảm sự biến động và lãng phí nguồn nhân lực.

Dự án gồm các bước công việc sau:

- B1: Khảo sát và đánh giá hiện trạng
- B2: Xác lập sơ đồ hệ thống tổ chức
- B3: Xây dựng Quy chế tổ chức hoạt động

- B4: Xây dựng Bảng mô tả công việc
- B5: Xây dựng hệ thống thang, bảng lương

Đến thời điểm hiện tại, đang tiến hành đến bước 4 của dự án.

Thành lập Ban kiểm soát nội bộ

Công ty đã thành lập Ban kiểm soát nội bộ gồm 3 thành viên nhằm giúp việc cho Tổng giám đốc kiểm tra, giám sát việc thực các quy chế, quy định của công ty tại các đơn vị trực thuộc.

Chuyên nghiệp hóa lực lượng bảo vệ:

Thuê Công ty bảo vệ chuyên nghiệp bên ngoài để phụ trách công việc bảo vệ cho Trụ sở văn phòng và Nhà máy sản xuất.

Hệ thống và sửa đổi, bổ sung các văn bản qui phạm của Công ty để tăng cường hiệu quả quản trị

Phân quyền, ủy quyền hợp lý:

Thực hiện sự phân quyền, ủy quyền cho các đơn vị, cá nhân hợp một cách hợp lý, hiệu quả công việc ngày càng được nâng lên.

2.4 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án năm 2013

Một số hạng mục lớn:

Năm 2013, Công ty đã thực hiện một số hạng mục đầu tư sau:

- Hoàn tất công trình cải tạo Nhà ăn thành Nhà máy thực phẩm chức năng, di dời và xây mới Nhà ăn Công ty.
- Hoàn tất công trình sửa chữa, cải tạo Văn phòng Chi nhánh TPHCM.
- Hoàn tất công trình xây mới xưởng thuốc nang mềm, mở rộng Phòng kiểm nghiệm thuộc Nhà máy Non beta lactam.
- Đầu tư hệ thống chữa cháy ngoài nhà cho Văn phòng Công ty và Nhà máy sản xuất.
- Đầu tư hệ thống xử lý không khí và các máy móc thiết bị cho Nhà máy thực phẩm chức năng và nhằm nâng cao công suất cho một số xưởng sản xuấtthuộc Nhà máy Non betalactam.
- Đầu tư xe tải trọng tải 4,5 tấn cho công tác vận chuyển thuốc và 02 xe bán tải phục vụ công việc bán hàng của Chi nhánh TPHCM và Đà Nẵng.

Giá trị đầu tư:

TT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số tiền
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	VNĐ	3.949.383.247
2	Máy móc, thiết bị	VNĐ	4.518.927.000
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	VNĐ	1.849.182.182
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VNĐ	905.350.700
5	TSCĐ khác	VNĐ	77.335.455
	Cộng :	VNĐ	11.300.178.584

Một số hạng mục chưa thực hiện:

Do tình hình đầu tư vào bất động sản trong năm sẽ không hiệu quả, nên Ban Tổng giám đốc đã cân nhắc và chưa thực hiện trong năm 2013 một số hạng mục sau:

- Mua đất xây dựng văn phòng và kho Chi nhánh Đà Nẵng, Đồng Nai, Cần Thơ (dự kiến 03 tỷ đồng)
- Mua đất dự phòng mở rộng Khu vực phía sau Nhà máy sản xuất (dự kiến 05 tỷ đồng)

2.5 Tình hình tài chính năm 2013

Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% +, -
1	Tổng giá trị tài sản	300.428.118.066	315.061.004.640	4,87
2	Doanh thu thuần	405.348.714.246	417.798.511.272	3,07
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	63.362.531.398	49.933.665.674	-21,19
4	Lợi nhuận khác	1.521.376.165	1.073.701.720	-29,43
5	Lợi nhuận trước thuế	64.883.907.563	51.007.367.394	-21,39
6	Lợi nhuận sau thuế	52.461.441.412	36.179.234.742	-31,04
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	42,87	55,72	29,98

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2,09	2,00	
	+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,30	1,12	

2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ / Tổng tài sản (%)	42,87	44,03	
	- Hệ số nợ / Vốn CSH (%)	75,04	78,66	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	2,96	2,37	
	+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản (%)	134,92	132,61	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (%)	12,69	8,66	
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (%)	29,97	20,52	
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (%)	17,12	11,48	
	- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần (%)	15,63	11,95	

Phân tích tình hình tài chính:

Tình hình tài sản:

Tổng giá trị tài sản năm 2013 là 262,290 tỷ đồng, gồm có:

* Tài sản ngắn hạn: 262,290 tỷ đồng, gồm:

Nội dung	Đvt	Năm 2012	Năm 2013	Tăng, giảm	% +,-
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	24,396	13,591	-10,805	-44,3
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	125,305	125,812	0,507	0,4
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	96,912	115,567	18,655	19,2
Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	10,569	7,320	-3,249	-30,7
Cộng:	Tỷ đồng	257,182	262,290	5,108	2

Các chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2013 so 2012 không có sự biến động nhiều:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 13,591 tỷ đồng. Năm 2013, doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động khác tăng 10,12 tỷ đồng so năm 2012. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh có nhiều biến chuyển tích cực. Các chính sách bán hàng và thu hồi nợ được Công ty kiểm soát chặt chẽ thông qua các biện pháp định mức và chế tài tài chính, hạn chế khách hàng chiếm dụng vốn, tăng vòng quay vốn cho Công ty.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 125,812 tỷ đồng so với nợ phải thu cùng kỳ năm 2012 tăng 507 triệu do doanh số bán hàng năm 2013 so năm 2012 tăng 3,07% tương ứng số tiền 12,450 tỷ đồng. Không có nợ xấu, vòng quay nợ phải thu luôn duy trì và được quản lý bằng các biện pháp định mức công nợ phải thu, phân loại đối tượng khách hàng và thường xuyên đôn đốc đối chiếu xác minh công nợ bán hàng và chính sách chăm sóc khách hàng được công ty quan tâm kịp thời.
- Hàng hóa tồn kho: so với 2012, hàng tồn kho năm 2013 tăng 18,65 tỷ đồng. Trong đó: tồn kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất gần 54 tỷ đồng, thành phẩm tồn kho cuối năm

2013 trên 35 tỷ đồng. Hàng hóa nhập khẩu và mua trong nước tồn kho 16,98 tỷ đồng, sản xuất dở dang 8,98 tỷ đồng. Toàn bộ hàng hóa, nguyên vật liệu trong năm 2013 đều ở trạng thái an toàn, sẵn sàng đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. cuối năm Công ty không phải trích lập dự phòng cho hàng hóa hàng tồn kho.

* Tài sản dài hạn: Tổng giá trị tài sản dài hạn có đến cuối năm 2013 là 52,771 tỷ đồng. Trong năm công ty đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có tổng giá trị trên 11 tỷ đồng. Tài sản cố định được quản lý và đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh, trích khấu hao theo đúng quy định của Bộ tài chính.

Tình hình nợ phải trả : Nợ phải trả năm 2013 so với năm 2012 tăng 9,921 tỷ đồng .

* Nợ ngắn hạn: So với năm 2012, năm 2013 các khoản nợ ngắn hạn tăng 8,171 tỷ. Chủ yếu là khoản nợ về chi phí quảng cáo, khuyến mãi phải trả và chi phí thuế TNDN cuối năm còn phải nộp Ngân sách Nhà nước

- Các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp trong và ngoài nước nhìn chung không có biến động lớn. Công nợ phải trả cho nhà cung cấp ngoài nước chiếm tỷ lệ 37% so với tổng nợ phải trả có kỳ hạn nợ ngắn. Công ty áp dụng các hình thức thanh toán L/C và DP. Rủi ro về tỷ giá là rất thấp. Các khoản nợ trong nước chủ yếu là nhà cung cấp bao bì, nguyên phụ liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh luôn duy trì và được kiểm soát chặt thông qua các hợp đồng mua bán và định mức nguyên liệu tồn kho.
- Vay và nợ ngắn hạn: Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng là các khoản vay vốn bằng Việt nam đồng dùng để thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp trong và ngoài nước. Trong năm Công ty không có khoản vay nào bằng ngoại tệ. Lãi suất tiền vay và tỷ giá ngoại tệ ổn định. Việc vay và trả nợ vay đúng hạn hạch toán đầy đủ và kịp thời chi phí vay vào chi phí hoạt động tài chính của công ty theo đúng quy định của Nhà nước.

3. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị:

3.1 Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Kết quả đạt được năm 2013:

Năm 2013:

- Doanh thu 417,799 tỷ đồng (đạt 101,9% so KH 2013 và 103,07% so TH 2012)
- Lợi nhuận trước thuế 51,007 tỷ đồng (đạt 100,31% KH 2013 và đạt 78,61% so TH 2012)
- Lợi nhuận sau thuế 36,179 tỷ đồng (đạt 90,45% KH 2013 và 70,34% TH 2012)

Do kết quả kinh doanh năm 2012 quá cao và mang tính đột phá nên nếu lấy năm 2012 để so sánh, Công ty không có sự tăng trưởng. Nhưng năm 2013, được đánh giá:

- Là năm thành công của Công ty trong công tác chăm sóc khách hàng thông qua các hội nghị khách hàng, các chương trình khuyến mãi lớn đã tạo được dấu ấn TV.PHARM trong lòng khách hàng và tạo được tiếng vang, bước đệm hiệu quả cho các năm tiếp theo.
- Mạng lưới bán hàng (kênh OTC) của Công ty cũng đã được quan tâm đầu tư và phát triển mạnh, tiến bộ hẳn so các năm trước đây, khai thác được các địa bàn Công ty còn yếu và mỏng tại các tỉnh miền Trung và miền Bắc.
- Thực hiện tốt công tác quản lý công nợ và hiệu quả trong việc tổ chức các biện pháp thu hồi công nợ.
- Đầu tư cải tạo hoàn tất nhà xưởng và thiết bị cho Nhà máy thực phẩm chức năng, chuẩn bị cho việc đưa vào sản xuất và khai thác thị trường mở rộng phạm vi kinh doanh của Công ty.

Điểm mạnh của Công ty:

TV.PHARM đạt được kết quả trên là do có:

- Sự đoàn kết nhất trí cao, sự đồng tâm hiệp lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và toàn thể công nhân viên trong toàn công ty tạo thành sức mạnh tập thể xây dựng TV.PHARM ngày càng lớn mạnh.
- Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trẻ, có trình độ đại học và trên đại học tận tâm với công việc và gắn bó lâu dài với công ty. Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác thị trường nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo, tâm huyết, sẵn sàng vượt khó để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến.
- Sản phẩm do Công ty sản xuất có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, giá cả hợp lý được khách hàng tin tưởng sử dụng. Các sản phẩm kháng sinh, đặc biệt là kháng sinh dạng bột pha tiêm được thị trường chấp nhận và đưa vào sử dụng trong hệ điều trị cả nước mang lại hiệu quả kinh doanh cao.
- Mạng lưới phân phối ngày càng phát triển, mở rộng. Kênh phân phối OTC phát triển tốt do Công ty có những chương trình khuyến mãi, chính sách chăm sóc khách hàng phù hợp.
- Được sự quan tâm của nhà đầu tư, sự tin tưởng ủng hộ của khách hàng, sự hợp tác của các nhà cung cấp và việc tạo điều kiện thuận lợi của các cơ quan, sở, ban ngành, ngân hàng trong và ngoài tỉnh.

Những hạn chế cần khắc phục:

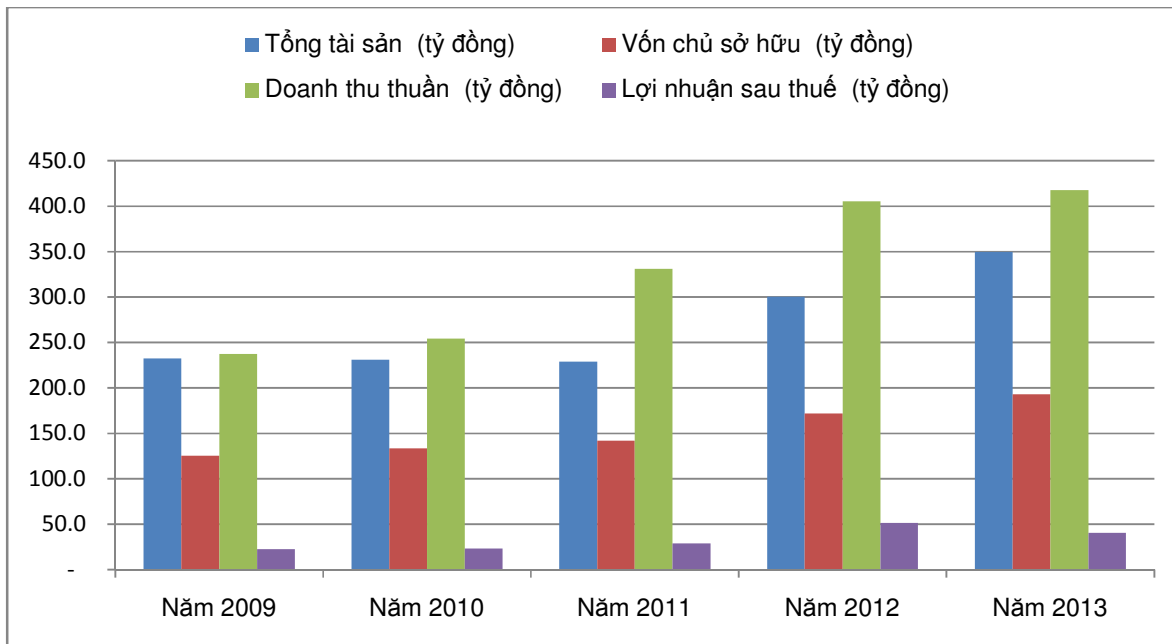
- Hệ thống quản trị chưa thật sự chuyên nghiệp, hiệu quả. Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực còn yếu.
- Hoạt động định vị thương hiệu và marketing còn chưa đồng bộ, hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) còn yếu, mang lại hiệu quả chưa cao.

- Tuy đã mở rộng được thị trường ra nước ngoài, nhưng hoạt động xuất khẩu còn hạn chế về số lượng và đối tác.
- Tồn tại tình trạng thiếu hàng cung cấp cho thị trường do Nhà máy Non betalactam bắt đầu quá tải.
- Chưa khai thác được hết công suất của Nhà máy betalactam.

Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 05 năm (năm 2009 -2013):

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng tài sản	tỷ đồng	232,4	231,1	228,8	300,4	315,1
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	125,4	133,6	142,0	171,6	176,3
Doanh thu thuần	tỷ đồng	237,4	254,5	331,0	405,3	417,8
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	24,6	27,2	37,0	64,9	51,007
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	22,5	23,1	28,9	51,4	36,179
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	3.571	3.673	4.592	8.165	4.878
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản		9,68%	10,01%	12,64%	17,12%	11,48%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần		9.47%	9.09%	8.74%	12.69%	8,66%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu		17.93%	17.31%	20.37%	29.97%	20,52%

Biểu đồ một số chỉ tiêu từ năm 2009 – 2013



3.2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Trong năm 2013:

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã tuân thủ đúng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty, phối hợp chặt chẽ trong việc tìm ra các giải pháp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao các hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty trong công tác điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, bám sát thực tế, linh hoạt, cơ động và hiệu quả trong việc đề ra các chính sách bán hàng đã mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty.

Phần 4: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển TV.PHARM:

Định hướng phát triển TV.PHARM từ nay đến cuối năm 2015 phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể sau:

- Tổng doanh thu năm 2015 đạt 600 tỷ đồng.
- Doanh thu hàng xuất khẩu đạt từ 4 – 5%/ tổng doanh thu.
- Tổng số lao động đến 2015 là 650 người.

2. Kế hoạch SXKD 2014:

2.1 Tình hình kinh doanh ngành dược:

Các thuận lợi:

- Sản phẩm ngành dược là nhu yếu phẩm cần thiết đời sống người dân, sự tăng trưởng của ngành nhìn chung ảnh hưởng ít hơn bởi tác động của nền kinh tế. Thêm vào đó, Việt Nam có quy mô dân số khá lớn, tăng nhanh và ý thức bảo vệ sức khỏe người dân ngày càng được nâng cao. Nhờ đó, tổng chi tiêu tiền thuốc vẫn duy trì đà tăng trưởng qua các năm với mức tăng trưởng ổn định khoảng 17-20%/năm.

- Đáng chú ý xu hướng sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc thảo dược ngày càng gia tăng, nên định hướng sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm chức năng và các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu là định hướng phù hợp trong giai đoạn tiếp theo.

- Các sản phẩm thuốc nội ngày càng đảm bảo về chất lượng, mẫu mã tương đương thuốc ngoại nhưng giá chỉ bằng 30 - 50%. Đây là một lợi thế giúp các Công ty dược nội địa có thể cạnh tranh trên chính sân nhà.

- Giá trị thuốc sản xuất trong nước chỉ mới chiếm khoảng 46-50% tổng giá trị thuốc sử dụng trong nước, Chính phủ có chủ trương gia tăng thị phần thuốc nội địa lên mức 70% trong năm 2015 và 80% đến năm 2020. Đây là cơ hội tốt cho các công ty dược trong nước.

Các rủi ro:

Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Khi nền kinh tế tăng trưởng cao sẽ tác động tích cực đến đời sống kinh tế xã hội của người dân, đời sống được nâng cao thì nhu cầu y tế, chăm sóc sức khỏe tăng cao. Điều này làm tăng doanh thu và lợi nhuận của ngành. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái, đời sống và thu nhập của dân cư giảm thì nhu cầu về dược phẩm cũng sẽ giảm.

Lạm phát

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Nếu tốc độ lạm phát cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế, sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công...

Lãi vay: lãi suất cho vay tăng cao sẽ ảnh hưởng mạnh đến hoạt động sản xuất doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có tỷ lệ vay nợ cao, tiềm lực tài chính không đủ mạnh.

Rủi ro Luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước và đã đăng ký công ty đại chúng, nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan đến hoạt động công ty như: pháp luật về ngành dược; pháp luật về kế toán, thuế; các văn bản pháp luật lao động; pháp luật về môi trường; pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán...

Vì vậy, những thay đổi về mặt chính sách của Nhà nước trong từng thời điểm khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty, nhất là sự thay đổi các chính sách định hướng và chiến lược phát triển ngành dược của Nhà nước.

Rủi ro đặc thù ngành dược:

Sự thay đổi giá nguyên vật liệu và tỷ giá:

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm Việt Nam hiện nay, nguồn nguyên liệu đầu vào của hầu hết các doanh nghiệp dược sản xuất trong nước đều nhập khẩu từ nước ngoài (hơn 90%, chủ yếu là hóa dược do ngành công nghiệp dược trong nước còn kém phát triển). Nên Ngành dược có những rủi ro đặc thù sau:

- Phụ thuộc vào sự ổn định của nguồn cung, giá cả và chất lượng nguyên vật liệu nhập khẩu.
- Phụ thuộc vào tỷ giá ngoại tệ.

Các yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận doanh nghiệp.

Môi trường cạnh tranh cao:

Chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các Công ty dược trong nước, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá thuốc đấu thầu và các cơ sở y tế Công lập. Ngoài ra còn chịu sự cạnh tranh với sự ngày càng lớn mạnh của các công ty dược nước ngoài và từ thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc từ Trung Quốc.

R&D (nghiên cứu và phát triển) nội địa ngành dược chưa phát triển: hiện tại các Công ty phần lớn chỉ dừng lại ở mức R&C (nghiên cứu và sao chép), chỉ sản xuất những thuốc genereric, chưa có nghiên cứu thuốc mới.

Rủi ro khác:

Đối với những rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Chỉ tiêu SXKD 2014:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	KH 2014/TH 2013
I.	SẢN XUẤT:				
1.	Nhà máy Non - Bêtalactam:				
	Thuốc viên các loại	Viên	771.711028	795.500.000	103,1
	Thuốc gói	Gói	1.050.340	1.100.000	104,7
	Thuốc lọ (kem bôi da)	Lọ	49.270	50.000	101,5
2.	Nhà máy Bêtalactam:				
	Thuốc viên các loại	Viên	71.622.360	73.771.031	103,0
	Thuốc gói	Gói	4.013.282	4.332.600	108,0
	Thuốc tiêm bột	Lọ	1.280.529	1.550.000	121,0
3.	Xưởng thực phẩm chức năng				
	Thuốc viên các loại	Viên			
	Thuốc gói	Gói			
II.	KINH DOANH				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	417,800	430,000	102,92%
2.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	51,007	52,564	103,05%
3.	Chi phí thuế TNDN	Tỷ đồng	14,828	11,564	77,99%
4.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	36,179	41,000	113,33%

2.3. Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, Công ty sẽ chú trọng các giải pháp sau:

Về sản xuất và chất lượng sản phẩm:

- Tiếp tục duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc GMP-WHO và Tiêu chuẩn ISO: 9001-2008. Không ngừng cải tiến mẫu mã, bao bì, nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh.

- Đầu tư mở rộng Nhà máy Non-Betalactam, mua sắm thêm thiết sản xuất và kiểm nghiệm để đảm bảo số lượng hàng hóa cho kinh doanh. Triển khai sản xuất các sản phẩm thực phẩm chức năng để sớm đưa ra thị trường (dự kiến quý 2/2014 có sản phẩm bán ra thị trường).

- Tăng cường công tác đào tạo và huấn luyện nhân viên. Đảm bảo 100% nhân viên mới vào nhà máy được huấn luyện về Nội quy lao động, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động, các quy trình thao tác chuẩn trong sản xuất.

Về kinh doanh:

- Tiếp tục củng cố và phát triển thị trường trong nước; Mở rộng thêm thị trường xuất khẩu; Phân chia thị trường Miền Bắc ra thành nhiều cụm nhỏ để tăng doanh số kênh OTC; Tiếp tục ổn định hoạt động một số chi nhánh còn yếu.

- Tăng cường hoạt động Marketing, quảng bá thương hiệu công ty, chăm sóc khách hàng, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ quản lý và nhân viên bán hàng.

- Tuyển thêm nhân sự để bố trí những vùng doanh số còn thấp, đặc biệt là thị trường OTC tại Khu vực TP. Hà Nội, Các tỉnh miền Bắc, các tỉnh Miền Trung như Nghệ An và Hà Tĩnh, các tỉnh Miền Đông như Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Bà Rịa Vũng Tàu,...

Về tài chính:

- Quản lý chặt định mức vốn, hàng tồn kho, công nợ phải thu, phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý. Thường xuyên và định kỳ đối chiếu công nợ, phân loại tuổi nợ, đơn đốc thu hồi các khoản nợ quá hạn. Tiếp tục triển khai chính sách trả lương trên công nợ thu về đối với Khối kinh doanh.

- Theo dõi sát tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào, tỷ giá ngoại tệ để chủ động đề xuất dự trữ tối ưu cho sản xuất, giảm giá thành sản phẩm và hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

Về tổ chức nhân sự và đào tạo:

- Tiến hành mô tả công việc cho từng chức danh công việc, phân công, phân quyền hợp lý, xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Các chi nhánh cho phù hợp.

- Công tác đào tạo: tiếp tục đào tạo lại và đào tạo mới những kiến thức chuyên sâu đối với cán bộ lãnh đạo cấp cao, cán bộ quản lý và nhân viên. Mở các lớp huấn luyện về kỹ thuật sản xuất, kỹ thuật an toàn lao động cho công nhân nhà máy sản xuất; Tiếp tục chính sách đầu tư thu hút chất xám, tuyển dụng người có đủ đức, tài, có nguyện vọng phục vụ lâu dài tại công ty.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng:

- Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, không xả trực tiếp chất thải ra môi trường sống. Đảm bảo cảnh quan môi trường luôn sạch đẹp trong và ngoài nhà máy sản xuất.

- Thực hiện kinh doanh tuân thủ Pháp luật bảo vệ môi trường. Tiếp tục thực hiện công tác hỗ trợ xã hội, đền ơn đáp nghĩa tại địa phương

Phần 5: QUẢN TRI CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hiện tại gồm 05 thành viên: 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và 01 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, 01 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Bùi Văn Tòng	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	20.932	0,208%
2	Ông Lê Việt Thành	Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành)	0	0%
3	Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc	612.029	6,072%
4	Ông Hà Văn Đông	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	30.924	0,301%
5	Ông Lê Xuân Trường	Thành viên HĐQT (độc lập, không điều hành)	9.600	0,096%

(Lý lịch nhân sự trình bày tại Mục Ban quản trị Phần 2 – Cơ cấu tổ chức nhân sự)

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty không có sự thay đổi nhân sự.

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Đánh giá hoạt động Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về Nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị đối với sự phát triển Công ty.

Hội đồng quản trị đã duy trì chế độ họp thường kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để quản lý và chỉ đạo hoạt động của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm cao, tham gia các ý kiến để Chủ tịch Hội đồng quản trị ra các quyết định có tính chiến lược, định hướng đúng đắn để thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đúng định hướng, đánh giá và góp ý và đưa ra các quyết định quan trọng trong công tác quản lý.

Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được lưu giữ theo đúng quy định.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tiến hành 10 cuộc họp định kỳ và đột xuất hoặc xin ý kiến qua bằng văn bản để tập trung giải quyết và thông qua nhiều nội dung quan trọng của Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự và tham gia biểu quyết ý kiến bằng văn bản	Tỷ lệ
1	Ông Bùi Văn Tòng	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%
2	Ông Lê Việt Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	10/10	100%
3	Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Thành viên HĐQT	10/10	100%
4	Ông Hà Văn Đồng	Thành viên HĐQT	10/10	100%
5	Ông Lê Xuân Trường	Thành viên HĐQT	10/10	100%

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2013:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Ghi chú
1	Số 01-2013/NQ.HĐQT	16/01/2013	- Thông nhất ủy quyền cho ông Nguyễn Đăng Nguyên – Tổng giám đốc Công ty được ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng đầu tư và phát triển – Chi nhánh Trà Vinh *Tổng giới hạn tín dụng là 30 tỉ đồng . *Thời hạn: kể từ ngày ký đến ngày có Nghị quyết mới	HĐQT xin ý kiến bằng văn bản
2	Số 02-2013/NQ.HĐQT	08/03/2013	- Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2012	HĐQT xin ý kiến bằng văn bản
3	Số 03-2013/NQ.HĐQT	27/03/2013	- Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012; kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 - Thống nhất thông qua chủ trương danh mục đầu tư năm 2013. Tuy nhiên các hạng mục về xây dựng cơ bản, đất	HĐQT họp

			<p>đại Tổng Giám đốc trình HĐQT quyết định từng phương án cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần để trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2012. - Thống nhất tỉ lệ chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2013 là 1,5% Lợi nhuận trước thuế; chi thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng là 30% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch nhưng không quá 01 tỷ đồng. - Thống nhất giao cho Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 trình cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2012. - Theo quy định tại thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012, trường hợp Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm – Phó phòng tài chính kế toán không thể tham gia trong vai trò Ban kiểm soát Công ty. Tuy nhiên, HĐQT thống nhất trình Đại hội cổ đông chấp thuận tạm thời chưa thay thế vai trò thành viên đối với Bà Cẩm cho đến khi tìm được nhân sự phù hợp, dự kiến hết năm 2013 - Thống nhất đơn giá tiền lương cho năm 2013 là 10,26% doanh thu. Giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện. - Thống nhất ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2012 là ngày 26/04/2013, giao cho Văn phòng Hội đồng quản trị kết hợp với các phòng ban chức năng chuẩn bị tài liệu, thư mời gửi cho cổ đông. 	
--	--	--	--	--

4	Số 04- 2013/NQ.HĐQT	05/05/2013	- Thống nhất về việc xử lý số lẻ phát hành cổ phiếu	HĐQT xin ý kiến bằng văn bản
5	Số 05- 2013/NQ.HĐQT	21/05/2013	- Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông trả cổ tức đợt 2 năm 2012	HĐQT xin ý kiến bằng văn bản
6	Số 06- 2013/NQ.HĐQT	20/06/2013	- Thống nhất về việc điều chỉnh phương án xử lý số lẻ phát hành cổ phiếu	HĐQT xin ý kiến bằng văn bản
7	Số 07- 2013/NQ.HĐQT	26/06/2013	- Thông nhất ủy quyền cho ông Nguyễn Đăng Nguyên – Tổng giám đốc Công ty được ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh *Tổng giới hạn tín dụng là 60 tỉ đồng . *Thời hạn : kể từ ngày ký đến ngày có Nghị quyết mới	HĐQT xin ý kiến bằng văn bản
8	Số 08- 2013/NQ.HĐQT	09/7/2013	-Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2012 ngày 26/4/2013.	HĐQT xin ý kiến bằng văn bản
9	Số 09- 2013/NQ.HĐQT	26/7/2013	-Thống nhất thông qua các báo cáo kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2013. Đề nghị Tổng giám đốc chỉ đạo kiểm soát và tiết kiệm chi phí kinh doanh; thực hiện tốt các giải pháp trong việc thu hồi công nợ bán hàng. -Giao Tổng giám đốc tiến hành rà soát	HĐQT hợp

			<p>lại các quy định hiện hành để tiến hành điều chỉnh, sửa đổi bổ sung thêm các quy định nhằm nâng cao tính kỷ luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn và hiệu quả.</p> <p>- Tổng Giám đốc khẩn trương hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu đối với các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng để hạch toán tăng tài sản cố định theo đúng quy định.</p> <p>- Thống nhất thông qua việc đề xuất thành lập Ban kiểm soát nội bộ của Tổng Giám Đốc. Ban kiểm soát nội bộ độc lập về tổ chức, tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc.</p>	
10	Số 10-2013/NQ.HĐQT	16/10/2013	<p>- Thống nhất Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 3/2012, Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4/2013 và Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT ngày 26/7/2013 của Tổng giám đốc Công ty.</p> <p>- Thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để điều chỉnh giảm các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.</p> <p>- Thống nhất ủy quyền cho Ông Nguyễn Đăng Nguyên – Tổng giám đốc là người đại diện pháp luật công ty ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng 365.9 m² đất phía sau khu vực Nhà máy sản xuất. Nguồn vốn sử dụng Quỹ đầu tư phát triển sản xuất.</p> <p>- Thống nhất thông qua Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của Chi nhánh bán hàng. HĐQT giao Tổng Giám đốc căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động chi nhánh để ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ riêng biệt cho từng Chi</p>	HĐQT họp

			<p>nhánh phù hợp với điều kiện và phạm vi hoạt động tại địa bàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua Báo cáo của Văn phòng HĐQT về việc Công ty hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng (tăng vốn điều lệ Công ty từ 63 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng) - Thống nhất chi tạm ứng đợt 1/2013 cho cổ đông tỷ lệ 10%/cổ phiếu (01cổ phiếu được nhận 1.000 đồng). Thời gian thực hiện trước 31/12/2013. - Thống nhất thông qua việc sửa đổi toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty phù hợp với quy định hiện hành. Giao Văn phòng HĐQT, Tổng Giám đốc lập Ban nghiên cứu Dự thảo Điều lệ để trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2014. 	
--	--	--	--	--

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Công ty có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành là Ông Lê Xuân Trường. Trong năm 2013, thành viên này đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đồng thời đóng góp những ý kiến tích cực vào các buổi họp thường kỳ và bất thường của HĐQT.

Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa thành lập tiểu ban

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Các thành viên Hội đồng quản trị chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty nhưng trong 05 thành viên Hội đồng quản trị đã có 02 thành viên có bằng Thạc sĩ về quản trị kinh doanh. Đồng thời, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc là 03 người đại diện vốn của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) tại Công ty nên đều có tham gia các chương trình tập huấn về quản trị Công ty do SCIC tổ chức.

1.3 Cơ cấu cổ đông:

Cổ phần:

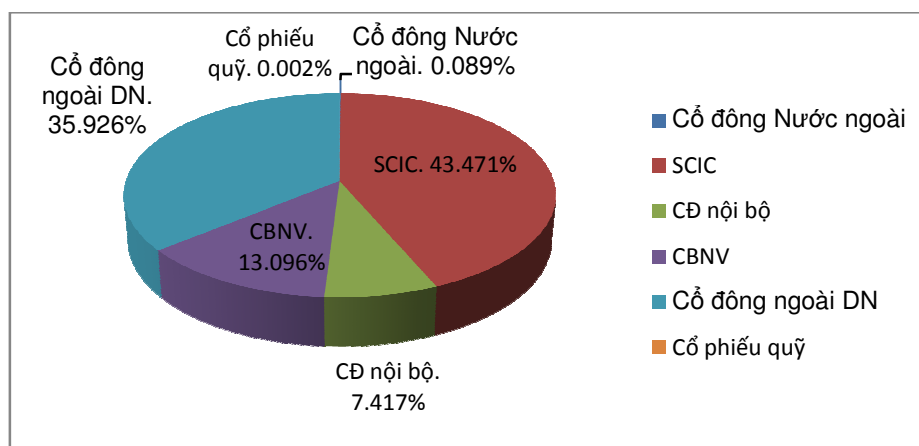
STT	Nội dung	Thông tin
1	Tên chứng khoán	Cổ phiếu Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM
2	Mã chứng khoán	TVP
3	Loại chứng khoán	Cổ phiếu phổ thông
4	Sàn giao dịch	Chứng khoán chưa giao dịch trên sàn
5	Tổng số cổ phần	10.080.000 cp
6	Mệnh giá	10.000 đ/cổ phần
7	Số cổ phần chuyển nhượng tự do	10.080.000 cp
8	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0

Cơ cấu cổ đông: (chốt ngày 11/11/2013)

Thống kê:

S TT	Tiêu chí	Số lượng cổ đông			Số lượng cổ phiếu			Tỷ lệ sở hữu		
		Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng	Cá nhân	Tổ chức	Cộng
1	Nước ngoài	1		1	8,950		8,950	0.089%		0.089%
2	Trong nước	335	8	343	5,469,506	4,601,390	10,070,896	54.261%	45.649%	99.910%
	SCIC		1	1		4,381,920	4,381,920		43.471%	43.471%
	HDQT BTGD	5		5	678,328		678,328	6.729%		6.729%
	BKS	2		2	30,881		30,881	0.306%		0.306%
	KTT	1		1	38,400		38,400	0.381%		0.381%
	CBNV	146		146	1,320,052		1,320,052	13.096%		13.096%
	Ngoài doanh nghiệp	181	7	188	3,401,845	219,470	3,621,315	33.748%	2.177%	35.926%
3	Cổ phiếu quỹ		1	1		154	154		0.002%	0.002%
4	Tổng	336	9	345	5,478,456	4,601,544	10,080,000	54.350%	45.650%	100%

Biểu đồ cơ cấu:



Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông lớn	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông lớn	1. Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	4.381.920	43,471%
		2. Ông Nguyễn Đăng Nguyên	612.029	6,072%
		Cộng		
2	Cổ đông nhỏ		5.086.051	50.457%
3		TỔNG CỘNG	10.080.000	100%

Phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông tổ chức	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Tổ chức	1. Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	4.381.920	43,471%
		2. Công Ty Cổ Phần Dược Hậu Giang	108.480	1,076%
		3. Cty Cổ Phần Dược Phẩm IMEXPHARM	40.548	0,402%
		4. Công Ty TNHH Bệnh Viện Quốc Tế Chân Thương Chính Hình Sài Gòn	32.000	0,317%
		5. Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm Trung Ương 1	16.000	0,159%
		6. Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	12,273	0,122%
		7. Cty TNHH Dược Phẩm Toàn Chân	5.369	0,053%

		8. Công ty TNHH Xây Dựng Hồng Lục	4.800	0,048%
		9. Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM (cổ phiếu quỹ)	154	0,002%
		Cộng	4.601.544	45.650%
2	Cổ đông cá nhân		5.478.456	54,350%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

Phân theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông nước ngoài	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông nước ngoài	1. Trần Sơn Tây, Casimir, Thông (Quốc tịch Pháp)	8.950	0,089%
2	Cổ đông trong nước		10.071.050	99,911%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

Phân theo tiêu chí cổ đông Nhà nước và cổ đông khác:

STT	Tiêu chí	Tên cổ đông Nhà nước	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	4.381.920	43.471%
2	Cổ đông khác		5.698.080	56.529%
3	TỔNG CỘNG		10.080.000	100%

1.4 Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

Vốn điều lệ Công ty hiện tại: 100.800.000.000 đồng

Phát hành cổ phiếu năm 2013:

Thực hiện theo Nghị quyết số 001-2013/NQ/ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2013, Công ty đã hoàn tất việc:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 10%
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỉ lệ 2:1

Tổng số cổ phiếu trước khi phát hành là 6.300.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu sau phát hành 10.080.000 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.079.846 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 154 cổ phiếu

Công ty cũng đã hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung, đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần I số 63/2010/GCNCP-VSD-1 ngày 12/09/2013.

Chứng khoán khác: không

Quá trình tăng vốn của Công ty từ khi cổ phần hóa đến nay:

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng	Vốn điều lệ sau phát hành
Năm 2003	Cổ phần hóa		35.000.000.000
Năm 2006	Cổ đông hiện hữu (<i>Chia cổ phiếu thưởng</i>)	13.000.000.000	48.000.000.000
Năm 2007	Cổ đông hiện hữu (5,7 tỷ) Đối tác chiến lược (3 tỷ) Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư (6,3 tỷ)	15.000.000.000	63.000.000.000
Năm 2013	Cổ đông hiện hữu - <i>Chia cổ tức 10%</i> - <i>Chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 2:1</i>	37.800.000.000	100.800.000.000

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

2. Ban kiểm soát Công ty

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát hiện tại gồm 03 thành viên: 01 trưởng ban và 02 thành viên.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Hữu Phước	Trưởng ban	24.548	0,243%
2	Ông Lưu Hoài Nam	Thành viên	0	0%
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Thành viên	6.333	0,063%

(*Lý lịch nhân sự trình bày tại Mục Ban quản trị Phần 2 - Cơ cấu tổ chức nhân sự*)

Trong năm 2013, Ban kiểm soát Công ty không có sự thay đổi nhân sự.

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có nghĩa vụ thực hiện:

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật và thực hiện Điều lệ Công ty.
- Kiểm soát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty
- Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty

Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện:

- Họp triển khai kế hoạch hoạt động của Ban;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2012 đã đề ra.
- Kiểm soát hoạt động của chi nhánh thông qua việc chọn Chi nhánh Hà Nội: kiểm soát hoạt động 06 tháng đầu năm 2013
- Thực hiện việc lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC 2013 (do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 giao)
- Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2013 và dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Rà soát các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Đồng thời, Trưởng Ban kiểm soát đã được mời tham dự và tham dự hoặc ủy quyền thành viên tham dự đầy đủ các buổi họp của Hội đồng Quản trị, tham gia đóng góp nhiều ý kiến liên quan tới sản xuất kinh doanh, thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông.

2.3 Kết quả kiểm soát:

- BKS không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- BKS luôn nhận được đầy đủ các thông tin, các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012:
 - HĐQT đã tiến hành việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 đúng quy định, điều chỉnh giảm doanh thu 7,87% và lợi nhuận trước thuế 7,55%, lợi nhuận sau thuế là 4,52% so với kế hoạch ban đầu đề ra.
 - HĐQT đã thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ 63 tỷ lên 100,8 tỷ đồng.
 - HĐQT đã thực hiện xong việc chia cổ tức 2012 cho cổ đông (35% vốn điều lệ: 10% cổ phiếu và 25% tiền).
 - HĐQT đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 cho Cổ đông là 10% vốn điều lệ (chốt danh sách ngày 11/11/2013)
 - BKS đã chọn Công ty TNHH PWC Việt Nam là Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính 2013 của Công ty
 - Đã thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2013 theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ 2012 là 900 triệu đồng, chia làm 4 đợt vào cuối mỗi quý.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và BKS:

3.1 Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BDH, BKS

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thù lao, lương, thưởng (đồng)
1	Ông Bùi Văn Tòng	Chủ tịch HĐQT	20.932	0,208%	720.725.879
2	Ông Lê Việt Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	239.075.301
3	Ông Nguyễn Đăng Nguyên	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	612.029	6,072%	669.179.040
4	Ông Hà Văn Đồng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	30.924	0,301%	503.021.663
5	Ông Lê Xuân Trường	Thành viên HĐQT	9.600	0,096%	182.614.124
6	Ông Lê Hữu Phước	Trưởng BKS	24.548	0,243%	162.614.124
7	Ông Lưu Hoài Nam	Thành viên BKS	0	0%	88.807.060
8	Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Thành viên BKS, Phó phòng kế toán	6.333	0,063%	259.068.975
9	Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng giám đốc	5.473	0,05%	418.508.458
10	Ông Hoàng Văn Giới	Kế toán trưởng	38.400	0,381%	350.826.582

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người công bố thông tin

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại Công ty	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (Đầu năm 2013)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Cuối năm 2013)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đăng Nguyên	TV HĐQT kiêm TGĐ		349.606	5,54%	61.2029	6,072%	Mua cổ phiếu
2	Trần Ngọc Mai	Người được ủy quyền CBTT		4.483	0,071%	10.631	0,1055%	Mua cổ phiếu

3.3 Giao dịch cổ phiếu người có liên quan của cổ đông nội bộ, người công bố thông tin: không

3.4 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn:

Ông Nguyễn Đăng Nguyên – Thành viên HĐQT kiêm TGD là cổ đông nội bộ và là cổ đông lớn nên báo cáo như cổ đông nội bộ.

3.5 Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: không

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty đại chúng. Công ty đã:

- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT
- Ban hành Quy chế quản trị Công ty.
- Đồng thời, HĐQT đang tổ chức rà soát sửa đổi toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty theo qui định Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 121 của Bộ tài chính, sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2013 thông qua.
- Khoản 2 Điều 18 Chương IV Thông tư 121 có quy định: “*Thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty...*”. Trường hợp Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm – thành viên BKS, đồng thời giữ chức vụ Phó phòng kế toán là chưa phù hợp quy định trên. Nhưng do chưa lựa chọn được nhân sự thay thế Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm nên Hội đồng quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2012 chấp thuận tạm thời chưa thay thế vai trò thành viên BKS của bà Cẩm đến hết năm 2013. Và việc bầu thay thế sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm nay.

Phần 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2013:

1. Ý kiến kiểm toán



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.PHARM ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013 và được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 25 tháng 3 năm 2014. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Đào Quốc Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0620-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Lại Hùng Phương
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2432-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4004
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2014

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xin vui lòng xem chi tiết Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 của Công ty tại website của Công ty [www.tvpharm.com.vn/Mục Cổ đồng](http://www.tvpharm.com.vn/Mục_Cổ_đồng)

Xác nhận của
đại diện theo pháp luật của Công ty



ĐS. Nguyễn Đăng Nguyễn